

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2026
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Công Danh
2. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tân Phong – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Phương Thy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp C T, xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp C T, xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2003, bà và ông T đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện B, tỉnh Long An nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/02/2004.

Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông

T thường xuyên chửi mắng, đánh đập và đuổi bà ra khỏi nhà. Từ năm 2019 đến nay, mặc dù vợ chồng ở chung nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, tiền ai làm nấy xài, không ai quan tâm đến ai. Khi bà đề cập đến vấn đề ly hôn thì ông T kêu bà làm đơn và ông T ký, bà có làm đơn thuận tình ly hôn và đưa cho ông T, ông T đã ký nhưng không đồng ý xuống tòa nên bà sửa lại đơn khởi kiện ly hôn. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có 01 (một) con chung tên Lê Đăng H1, sinh ngày 08/3/2004. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Bà không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, bà và ông T không có nợ chung.

Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt và không cung cấp bất cứ ý kiến, tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng ông T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Lê Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung, bà H và ông T có 01 con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T có địa chỉ cư trú tại ấp C T, xã T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà H.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông T, thấy rằng: Bà H và ông T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An (nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/02/2004 (giấy đăng ký số 10, quyển số 01) nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp. Theo bà H, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông T thường xuyên chửi mắng, đánh đập và đuổi bà ra khỏi nhà. Từ năm 2019 đến nay, mặc dù vợ chồng ở chung nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, tiền ai làm nấy xài, không ai quan tâm đến ai. Hơn nữa, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt cho ông T các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, ông T đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà H. Từ đó cho thấy, ông T cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, hôn nhân của bà H và ông T đã không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện các bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, một trong hai bên đã không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3.2] Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của bà H cùng các chứng cứ do bà H cung cấp thì bà H và ông T có 01 (một) con chung tên Lê Đăng H1, sinh ngày 08/3/2004, hiện con chung đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự và không bị mất khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về chia tài sản, nợ chung: Bà H không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung. Ông T vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H về việc “Ly hôn” với ông Lê Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thanh H ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung: Bà H và ông T có 01 (một) con chung tên Lê Đăng H1, sinh ngày 08/3/2004 (hiện con chung đã trưởng thành).

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010765 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- UBND xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thúy Hồng